

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

Ngành: Kế toán

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

+ Tiếng Việt: Nguyên lý kế toán

+ Tiếng Anh: Theory of Accounting

- Mã học phần: DKT.01.20

- Đối tượng học: Sinh viên ĐHCQ ngành Kế toán.

- Số tín chỉ: 3

- Vị trí của học phần trong CTĐT^[2]

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		□ Thực tập/khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	

- Học phần tiên quyết^[3]: Lý thuyết tài chính tiền tệ (DTN.02.07)

- Học phần học trước^[4]: Không

- Học phần song hành^[5]: Không

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động^[6]: [150 giờ]

+ Nghe giảng lý thuyết: 30 giờ (30 giờ)

+ Bài tập 9 giờ (9 giờ)

+ Thực hành 6 giờ (3 giờ)

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 6 giờ (3 giờ)

+ Kiểm tra: 3 giờ (3 giờ)

- Hoạt động khác (tự học, nghiên cứu, tham quan trải nghiệm^[7]): 102 giờ (102 giờ)

- Viện/Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Viện Kế toán – Kiểm toán, Bộ môn Kế toán

- Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):

1) Họ và tên: Th.Vũ Thị Thanh Ngọc

Chức danh: Giảng viên chính

Thông tin liên hệ: ĐT: 0919980598

; Email: ngocvt8@gmail.com

2) Họ và tên: ThS. Quách Thị Thu Hằng

Chức danh: Giảng viên chính

Thông tin liên hệ: ĐT: 0978817794

; Email: quachhang177@gmail.com

2. Mô tả học phần^[8]

Nguyên lý kế toán là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Kế toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quan về kế toán, các yếu tố cơ bản của báo cáo tài chính, phương pháp kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán, hệ thống

pháp lý kế toán, tổ chức công tác kế toán. Qua đó, giúp người học vận dụng những lý luận cơ bản của khoa học kế toán trong 1 loại hình đơn vị cụ thể - doanh nghiệp sản xuất kinh doanh; áp dụng hiệu quả kiến thức về kế toán để thu nhận thông tin, xử lý thông tin và cung cấp thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong đơn vị.

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu học phần ^[9]	Mô tả mục tiêu học phần ^[10] Học phần nhằm cung cấp cho người học:
CSO 1.1	Diễn giải được bản chất chức năng và đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ của kế toán; vận dụng hệ thống các phương pháp kế toán vào nghiệp vụ kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu.
CSO 2.1	Phát triển năng lực thu nhận, xử lý, hệ thống hóa thông tin kinh tế tài chính, lập báo cáo tài chính của một đơn vị; thực hiện định khoản và ghi kép vào tài khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của các quá trình kinh doanh chủ yếu; thực hiện ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ kế toán theo các hình thức kế toán phù hợp.
CSO 3.1	Nhận thức rõ nguyên tắc kế toán, có khả năng đưa ra kết luận chuyên môn; khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần - CLO (Course Learning Outcomes)

Mục tiêu học phần ^[9]	CDR học phần ^[11]	Mô tả chuẩn đầu ra học phần ^[12] <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i>	CDR của CTĐT ^[13]	Mức độ ^[14]
<i>CDR về kiến thức:</i>				
CSO 1.1	CLO 1.1	Trình bày lại các khái niệm và vận dụng nguyên tắc cơ bản của khoa học kế toán, hệ thống các phương pháp kế toán, quy trình lập, mở sổ, ghi sổ, khóa sổ kế toán; hệ thống pháp lý kế toán và tổ chức công tác kế toán cơ bản trong doanh nghiệp.	PLO1.3	2
<i>CDR về kỹ năng:</i>				
CSO 2.1	CLO 2.1	Vận dụng được các phương pháp kế toán để hạch toán kế toán các quá trình kinh doanh thương mại và các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh cơ bản trong doanh nghiệp.	PLO2.2	3
	CLO 2.2	Phân tích được mối quan hệ giữa các đối tượng kế toán trên báo cáo tài chính, mối liên hệ giữa các phương pháp kế toán với quy trình kế toán và sự khác nhau trong hệ thống các hình thức kế toán tại các doanh nghiệp.	PLO2.4	3
<i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i>				
CSO 3.1	CLO 3.1	Đánh giá được, liên kết được kiến thức qua các chương, liên kết các phần học để trở thành 1 khối kiến thức thống nhất phục vụ mục đích chung ban đầu.	PLO3.3	2

Mức độ đóng góp:

1: Introduce (Giới thiệu)

2: Reinforce (Củng cố)

3: Master (Thành thạo)

5. Học liệu^[15]

5.1. Tài liệu chính:

1. GS.TS. Đoàn Xuân Tiên (2019): *Giáo trình Nguyên lý kế toán*. NXB Tài chính;

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Các văn bản pháp quy về kế toán: Luật kế toán 2003, Chuẩn mực kế toán.

2. Các tài liệu tham khảo liên quan đến kế toán: Lý thuyết hạch toán kế toán, Nguyên lý kế toán của các trường đại học thuộc khối kinh tế.

6. Các phương pháp dạy và học áp dụng cho học phần

x	Thuyết trình	x	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Công trình nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	Dự án/Đồ án
x	Phát vấn	x	Thuyết giảng	x	Tình huống	<input type="checkbox"/>	Tham quan thực tế
x	Giải quyết vấn đề	<input type="checkbox"/>	Phương pháp khác				

7. Nội dung chi tiết học phần

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)					CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận			
Bài 1	Chương 1. Tổng quan chung về kế toán 1.1 – Sự hình thành và phát triển của kế toán 1.2 – Các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của kế toán	3					CLO 1.1	Thuyết trình Phát vấn	SV đọc trước giáo trình
Bài 2	Chương 1. 1.3 – Đối tượng sử dụng thông tin kế toán 1.4 và mục 1.5 (giảng khái quát)	2			1		CLO 1.1	Thuyết trình	SV đọc trước giáo trình Sinh viên tự nghiên cứu
Bài 3	Chương 2: Các yếu tố cơ bản của báo cáo tài chính.	3					CLO 2.2		SV đọc trước

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)					CĐR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận			
	2.1 (giảng khái quát) 2.2- Các yếu tố của BCTC							Thuyết giảng	giáo trình
Bài 4	Chương 2. 2.3 - Ảnh hưởng của các nghiệp vụ KTTC đến các yếu tố của BCTC	1	1			1	CLO 2.2	Tình huống Giải quyết vấn đề	SV chuẩn bị trước bài tập ở nhà
Bài 5	Chương 3. Các phương pháp kế toán 3.1. Hệ thống các phương pháp kế toán 3.2. Phương pháp chứng từ kế toán 3.3. Phương pháp tính giá	1	1			1	CLO 1.1 CLO 2.1	Thuyết trình Làm việc nhóm	SV đọc trước giáo trình
Bài 6	Chữa bài tập Kiểm tra định kỳ				2		CLO 1.1 CLO 2.2	Phát vấn Làm việc nhóm	SV chuẩn bị trước bài tập ở nhà Sinh viên tự ôn tập
Bài 7	Chương 3. 3.4 – Phương pháp tài khoản kế toán	3					CLO 1.1 CLO 3.1	Thuyết trình	SV đọc trước giáo trình
Bài 8	Chương 3. 3.4 – Phương pháp tài khoản kế toán (tiếp)	2			1		CLO 1.1 CLO 3.1	Thuyết trình	SV đọc trước giáo trình
Bài 9	Chương 3. 3.5 – Phương pháp tổng hợp cân đối kế toán	2			1		CLO 1.1 CLO 3.1	Thuyết trình Phát vấn	SV đọc trước giáo trình SV chuẩn bị

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)					CĐR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận			
									trước bài tập ở nhà
Bài 10	Chương 3. 3.6 – Vận dụng hệ thống các PPKT để hạch toán kế toán các quá trình SXKD	3					CLO 2.1 CLO 3.1	Thuyết trình Phát vấn	SV đọc trước giáo trình
Bài 11	Chữa bài tập Kiểm tra định kỳ			1	2		CLO 1.1 CLO 2.2	Phát vấn Làm việc nhóm	SV chuẩn bị trước bài tập ở nhà Sinh viên tự ôn tập
Bài 12	Chương 4. Sổ kế toán và hình thức kế toán. 4.1 Sổ kế toán	2	1				CLO 1.1 CLO 3.1	Thuyết trình	SV đọc trước giáo trình
Bài 13	Chương 4. 4.2 – Hình thức kế toán	3					CLO 1.1 CLO 3.1	Thuyết trình	SV đọc trước giáo trình
Bài 14	Chữa bài tập Kiểm tra định kỳ			1	1	1	CLO 2.1 CLO 3.1 CLO 2.1 CLO 2.2	Phát vấn Làm việc nhóm	SV chuẩn bị trước bài tập ở nhà Sinh viên tự ôn tập
Bài 15	Chương 5. Hệ thống pháp lý kế toán 5.1 ; 5.2 ; 5.3 ; 5.4	3					CLO 1.1 CLO 3.1	Thuyết trình	SV tự nghiên cứu

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)					CĐR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận			
	(giảng khái quát, sinh viên chủ yếu tự nghiên cứu)								
Bài 16	Chương 6. Tổ chức công tác kế toán 6.1 ; 6.2 ; 6.3 (giảng khái quát, sinh viên chủ yếu tự nghiên cứu) Tổng kết học phần	2			1		CLO 1.1 CLO 3.1	Thuyết trình	SV đọc trước giáo trình
	Tổng cộng	30	3	3	9	3			102 giờ tự học có hướng dẫn

8. Nhiệm vụ của người học

- Tham dự giờ lên lớp: Tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên;
- Bài tập, thảo luận:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CLO	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Điểm chuyên cần	10	Đánh giá quá trình	Rubric	CLO 3.1	100%
01 bài kiểm tra tự luận 50 phút giữa kỳ	30	Tự luận	Rubric	CLO1.1, CLO2.1	40% 60%

01 bài kiểm tra tự luận 50 phút cuối kỳ		Tự luận	Rubric	CLO1.1, CLO2.2	40% 60%
01 đánh giá tổng hợp kết quả làm Bài tập lớn		SV báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong nhóm theo sự phân công của Trưởng nhóm.	Rubric	CLO1.1, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1,	20% 30% 20% 30%
Bài thi hết học phần: Tự luận hoặc Vấn đáp theo BTL					
1) Tự luận 90 phút	60	Tự luận	Rubric	CLO1.1, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1	20% 30% 20% 30%
2) Vấn đáp theo BTL	60	Vấn đáp	Rubric	CLO1.1, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1	20% 30% 20% 30%

9.3. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

9.3.1 Các Rubric đánh giá bài kiểm tra tự luận trong kỳ và thi tự luận hết học phần

Tiêu chí đánh giá của từng câu hỏi trong đề thi	Mức chất lượng	Thang điểm %
<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đủ, trả lời đúng 100% câu hỏi: Trình bày tốt câu hỏi lý thuyết; định khoản, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế tài chính; lập bảng CĐKT, bảng CĐTK, báo cáo KQHĐKD đúng. - Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, súc tích, logic. - Còn vài lỗi chính tả. 	Mức A	85, - 10
<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng 70-80% câu hỏi: Trình bày được câu hỏi lý thuyết; định khoản, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế tài chính; lập bảng CĐKT, bảng CĐTK, báo cáo KQHĐKD. - Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic. - Mắc ít lỗi (3-5) lỗi về thuật ngữ chuyên môn. - Có khá nhiều lỗi chính tả. 	Mức B	7,0 – 8,4
<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng 50-60% câu hỏi: Trình bày câu hỏi lý thuyết; định khoản, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế tài chính; lập bảng CĐKT, bảng CĐTK, báo cáo KQHĐKD còn có một số sai sót - Trình bày không rõ ý, chưa logic. 	Mức C (Đạt)	5,5 – 6,9

<ul style="list-style-type: none"> - Mắc lỗi về thuật ngữ chuyên môn (trên 5 lỗi). - Nhiều lỗi chính tả. 		
<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng 40-50% câu hỏi. - Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 60%. - Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý. - Mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn. - Nhiều lỗi chính tả. 	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	4,0 – 5,4
<ul style="list-style-type: none"> - Các trường hợp còn lại 	Mức F (Không đạt)	Dưới 4,0

9.3.2 Các Rubric đánh giá bài tập lớn

Tiêu chí đánh giá	Mức chất lượng	Thang điểm
<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ và xuất sắc yêu cầu của Bài tập lớn - Khảo sát và đặc tả yêu cầu nghiệp vụ tốt - Bố cục rõ ràng, cấu trúc phù hợp, văn phong khoa học - Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) rõ ràng, diễn đạt logic. - Trả lời được tất cả các câu hỏi của Giảng viên 	Mức A (Vượt quá mong đợi)	8,5 - 10
<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ yêu cầu của Bài tập lớn - Khảo sát và đặc tả yêu cầu nghiệp vụ đầy đủ - Bố cục rõ ràng, cấu trúc phù hợp, văn phong khoa học - Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) rõ ràng, diễn đạt logic. - Trả lời đúng 70-80% câu hỏi của GV. 	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	7,0 - 8,4
<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện hầu hết yêu cầu của Bài tập lớn - Cấu trúc chưa thật phù hợp - Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) còn lúng túng. - Trả lời đúng 50-60% câu hỏi của GV. 	Mức C (Đạt)	5,5 - 6,9
<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được ít yêu cầu của Bài tập lớn - Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) còn lúng túng, chưa hiểu hết các nhiệm vụ được giao. - Trả lời đúng 30-40% câu hỏi của GV. 	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	4,0 - 5,4
<ul style="list-style-type: none"> - Các trường hợp còn lại 	Mức F (Không đạt)	Dưới 4,0

9.3.3 Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức chất lượng	Thang điểm
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia học tập trên lớp đạt trên 90% số tiết học - Tham gia tích cực thảo luận trên lớp - Ý thức, thái độ học tập tốt 	Mức A (Vượt quá mong đợi)	8,5 - 10
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia học tập trên lớp đạt từ 90-95% số tiết học - Có tham gia thảo luận trên lớp - Ý thức, thái độ học tập tốt 	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	7,0 - 8,4
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia học tập trên lớp đạt từ 85-90% số tiết học - Ít tham gia thảo luận trên lớp - Ý thức, thái độ học tập chưa cao 	Mức C (Đạt)	5,5 - 6,9

<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia học tập trên lớp đạt từ 80-85% số tiết học - Không tham gia thảo luận trên lớp - Ý thức, thái độ học tập không nghiêm túc 	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	4,0 - 5,4
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia học tập trên lớp dưới 80% số tiết học 	Mức F (Không đạt)	Dưới 4,0

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2022

Viện trưởng

Trưởng Bộ môn

Người soạn đề cương





TS. Hoàng Văn Tường

TS. Trần Văn Dung

ThS. Vũ Thị Thanh Ngọc